



MARKET LENS

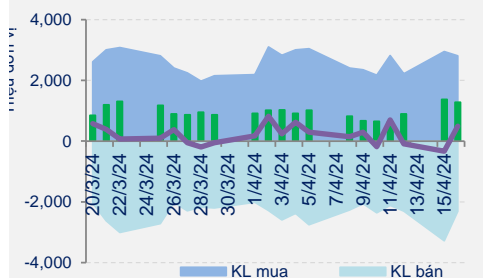
Phiên giao dịch ngày: 16/4/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

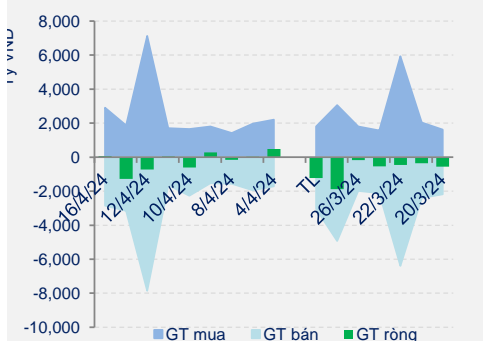
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,215.68	228.83
% Thay đổi	↓ -0.08%	↓ -0.38%
KLGD (CP)	1,283,976,275	138,502,806
GTGD (tỷ đồng)	30,289.65	2,702.08
Tổng cung (CP)	2,314,756,329	175,289,600
Tổng cầu (CP)	2,807,098,166	183,201,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	101,814,549	2,326,300
KL mua (CP)	106,508,689	4,042,807
GT mua (tỷ đồng)	2,907.00	95.91
GT bán (tỷ đồng)	2,843.68	65.96
GT ròng (tỷ đồng)	63.32	29.95

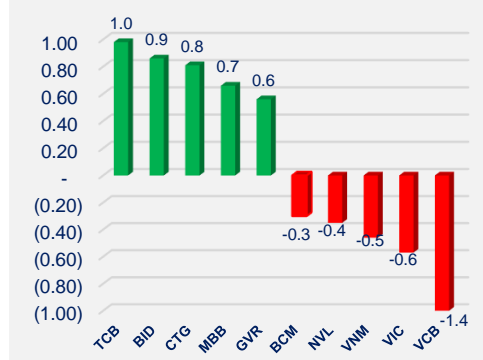
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau diễn biến giảm nhanh, mạnh bất ngờ cuối phiên trước, VN-INDEX trong phiên giao dịch hôm nay phục hồi nhẹ trong phiên sáng lên vùng 1.220 điểm. Áp lực bán sau đó tiếp tục gia tăng mạnh đến từ nhu cầu giảm tỉ trọng đầu cơ, margin... dẫn đến VN-INDEX giảm về vùng 1.192 điểm, dưới vùng giá hỗ trợ mạnh 1.200 điểm -1.211 điểm tương ứng vùng giá cao nhất năm 2018. Lực cầu ngắn hạn có xu hướng gia tăng trở lại trong phiên chiều kéo VN-INDEX phục hồi trở lại. Kết phiên VN-INDEX giảm 0,93 điểm (-0,93%) về mức 1.215,68 điểm, duy trì trên vùng giá tâm lý 1.200 điểm dưới ảnh hưởng phục hồi tốt hơn của VN30. HNX-INDEX giảm 0,88 điểm (-0,38%) về mức 228,83 điểm. Độ rộng thị trường trên 02 sàn giao dịch vẫn tiêu cực khi có 490 mã giảm giá (16 mã giảm sàn), 207 mã tăng giá (07 mã tăng trần) và 103 mã giữ giá tham chiếu.

Giá trị khớp lệnh trên hai sàn niêm yết đạt 32.976,99 tỷ đồng, giảm 10,98% so với phiên trước, vượt mức trung bình. Áp lực bán vẫn mạnh đột biến ở rất nhiều mã, trong khi các mã đa số phục hồi kém, thanh khoản giảm khi phục hồi. Khối ngoại gia tăng giao dịch, mua ròng nhẹ trong phiên hôm nay trên HOSE với giá trị 63,59 tỷ đồng; mua ròng trên HNX với giá trị 29,95 tỷ đồng, tập trung nhiều ở cổ phiếu IDC và SHS.

Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, GDP quý 1 của Trung Quốc tăng trưởng 5.3% so với cùng kỳ, cao hơn mức 5.4% của quý 4/2023 và dự báo 4.6% từ các chuyên gia. Năm 2024, Trung Quốc đặt mục tiêu tăng trưởng GDP đạt 5%; Sở GDCK TP.HCM vừa công bố thành phần chỉ số VNDiamond kỳ tháng 4/2024 theo đó MWG bị loại, thêm mới BMP. Các chỉ số mới sẽ có hiệu lực từ ngày 6/5/2024 và các ETF liên quan sẽ thực hiện tái cơ cấu danh mục với hạn cuối là ngày 3/5/2024.

Với diễn biến phục hồi tốt của VN30 trong đó các cổ phiếu ngân hàng có mức độ phục hồi tốt sau phiên giảm mạnh, thanh khoản suy giảm nhưng vẫn cao hơn mức trung bình như LPB (+4,01%), BVB (+2,83%), TCB (+2,48%), MBB (+2,14%)... ngoài các mã vẫn chịu áp lực điều chỉnh như NVB (-5,00%), OCB (-2,85%), MSB (-1,45%)... Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán một số mã cũng phục hồi tương đối tốt sau phiên giảm mạnh hết biên độ trước, mức độ phân hóa mạnh, thanh khoản vẫn duy trì vượt mức trung bình như CTS (+5,44%), CSI (+2,96%), MBS (+2,15%)... trong khi đa số vẫn chịu áp lực điều chỉnh với IVS (-7,38%), TCI (-5,91%), PSI (-4,88%), VDS (-3,67%)...

Nhóm cổ phiếu dầu khí cũng có mức độ phục hồi mạnh khi đa số có những thông tin tích cực về kết quả kinh doanh quý 1/2024, giá dầu vẫn duy trì ở mức cao như PVT (+4,58%), PVC (+2,70%), PVS (+2,57%), PVP (+2,42%)... ngoài PSH (-6,99%), POS (-6,51%), CNG (-3,18%)...

Trong khi đó các cổ phiếu bất động sản đa số vẫn tiếp tục chịu áp lực bán mạnh, thanh khoản đột biến kém tích cực như ASM (-6,20%), NHA (-6,05%), ITC (-5,14%), NVL (-4,55%)... ngoài QCG (+4,33%), NTL (+2,89%), HDC (+2,30%)... phục hồi khá tích cực.

Trên thị trường phái sinh kỳ hạn VN30F2404 giảm 6,3 điểm (-0,51%), chênh lệch chuyển sang âm -2,7 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch tăng 24,11% so với phiên trước và tăng gần 180% so với mức trung bình cho thấy các vị thế đầu cơ trong phiên tăng mạnh. Xu hướng ngắn hạn VN30F2404 suy giảm với hỗ trợ gần nhất quanh 1.218 điểm -1.230 điểm tương ứng giá thấp ngày 18/03/2024, kháng cự quanh 1.245 điểm.

Các kỳ hạn VN30F2405, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ 1,4 điểm đến 5,3 điểm so với VN30. Chênh lệch dương thu hẹp mạnh, cho thấy các trader đang nghiêng về VN30 sẽ tích lũy trong biên độ hẹp trở lại.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Thị trường có sự hồi phục khá tốt sau khi đã kiểm định lại ngưỡng hỗ trợ quanh 1.200 điểm (trong phiên thậm chí giảm về 1.191,73 điểm) cho thấy lực cầu bắt đáy hoạt động tích cực. Chốt phiên VnIndex chỉ giảm nhẹ -0,93 điểm (-0,08%) và đóng cửa ở 1.215,68 điểm.

Trong ngắn hạn thị trường có thể phục hồi kỹ thuật trong các phiên tới, tuy nhiên nguy cơ VN-Index trở lại xu hướng giảm với ngưỡng hỗ trợ mới ở mức thấp 1.150 điểm vẫn duy trì chừng nào chỉ số chưa sớm lấy lại mốc 1.250 điểm để củng cố lại nền tích lũy 1.250 điểm - 1.300 điểm sau phiên giảm mạnh hôm qua.

Về góc nhìn trung hạn, Vn-Index đã quay trở lại kênh tích lũy rộng 1.150 điểm - 1.250 điểm và mất động lực hình thành uptrend, khả năng thị trường sẽ có xu hướng swing trong thời gian dài hơn. Chúng tôi cho rằng nếu VnIndex vận động trong kênh nói trên thì về trung hạn đây vẫn là vận động tích lũy chờ thời cơ hình thành uptrend chứ không có nguy cơ rơi vào chu kỳ downtrend mới.

Vn-Index phục hồi khá nhưng vẫn đang giao dịch khá xa với ngưỡng hỗ trợ 1.250 điểm đã đánh mất trước đó do vậy vẫn có rủi ro tiếp tục giảm điểm. Thị trường cần thêm các phiên phục hồi mạnh mẽ để hóa giải các nguy cơ và quay lại xu hướng uptrend. Nhà đầu tư ngắn hạn nên tranh thủ các nhịp thị trường hồi phục để hạ tỷ trọng danh mục về mức an toàn. Với nhà đầu tư trung, dài hạn, thị trường đang vận động trở lại kênh tích lũy rộng 1.150 điểm - 1.250 điểm và có thể vận động tích lũy lại sẽ kéo dài, do đó nhà đầu tư trung hạn không nên giải ngân trong bối cảnh hiện tại mà cần kiên nhẫn chờ đợi nhịp tích lũy lại tin cậy hơn.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

16/4/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
IDC	54.50	54-55	66-68	52	12.9	85.4%	167.2%	Theo dõi giải ngân
GVR	30.35	29.5-30.5	35-36	28	47.0	-15.8%	27.7%	Theo dõi giải ngân
DPR	38.05	36.5-37.5	43-44	35	16.0	6.6%	61.9%	Theo dõi giải ngân
LHG	32.50	32.5-33	38-39	31	9.8	40.3%	102.4%	Theo dõi giải ngân
PVP	14.80	14.3-14.6	18-18.6	13.5	7.6	-18.7%	91.6%	Theo dõi giải ngân
DTD	25.00	26-27	30-31	25	5.8	-11.6%	117.0%	Theo dõi giải ngân
SIP	78.20	76-77	84-85	73	14.9	32.8%	40.2%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỜ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
27/12/2023	TNH	20.75	18.09	23-24	21	14.7%	Nắm giữ
16/4/2024	LHG	32.50	32	38-39	30	1.6%	Mua
16/4/2024	DPM	32.75	32.2	37-38	31	1.7%	Mua
16/4/2024	PVP	14.80	14.2	18-18.5	13.3	4.2%	Mua
16/4/2024	DPR	38.05	36.8	43-44	35	3.4%	Mua

TIN VĨ MÔ

Thị trường bất động sản phục hồi rõ nét trong quý 1/2024.

Tại hội nghị công bố Báo cáo thị trường bất động sản Việt Nam quý 1/2024 và dự báo quý 2/2024, Hội Môi giới bất động sản Việt Nam (Vars) đánh giá, thị trường bất động sản Việt Nam đã có chuyển biến tích cực hơn. Đối với phân khúc nhà ở, nguồn cung quý 1/2024 đạt 20.541 sản phẩm, trong đó có 4.300 sản phẩm mới hoàn toàn. Ngoài ra, thị trường còn ghi nhận 6.200 giao dịch, tăng 8% so quý 4/2023 và gấp đôi cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ hấp thụ tiếp tục cải thiện, đạt 31%, tăng 5% so quý 4/2023 và 19% so với cùng kỳ năm 2023.

Chuyên gia dự báo tỷ giá bắt đầu hạ nhiệt từ cuối quý 2/2024.

Ngày 16/4/2024 tại Hà Nội, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), ADB và NFSC đồng tổ chức Hội thảo tham vấn ý kiến đối với Báo cáo “Thị trường tài chính Việt Nam 2023 và triển vọng 2024”. Báo cáo đánh giá toàn cảnh về thị trường tài chính Việt Nam, bao hàm các lĩnh vực ngân hàng - chứng khoán - bảo hiểm và quỹ đầu tư. Nhóm nghiên cứu dự báo dự báo kinh tế thế giới đi ngang hoặc tăng trưởng chậm lại (2,4% so với mức tăng 2,6% năm 2023) dù thương mại và đầu tư dần phục hồi, lạm phát toàn cầu tiếp tục giảm (3,5-4% từ mức 5,7% năm 2023). Đối với Việt Nam, Nhóm nghiên cứu dự báo tăng trưởng GDP năm 2024 có thể đạt 6-6,5% (kịch bản cơ sở) với các động lực tăng trưởng phục hồi tốt hơn năm 2023, lạm phát tăng khoảng 3,4-3,8% so với mục tiêu 4-4,5%, tỷ giá USD/VND mặc dù còn chịu áp lực lớn trước khi Fed quyết định giảm lãi suất nhưng sẽ hạ nhiệt dần từ cuối quý 2/2024, với mức mất giá khoảng 2,5-3% trong năm 2024.

Bộ Công Thương trình Chính phủ Dự thảo Nghị định về cơ chế mua bán điện trực tiếp trước ngày 30/4/2024.

Bộ Công Thương vừa hoàn thiện Dự thảo lần 1 Nghị định của Chính phủ quy định về cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện với khách hàng sử dụng điện lớn (cơ chế DPPA: bán điện trực tiếp từ nhà sản xuất điện đến trực tiếp người tiêu dùng thông qua hệ thống truyền tải quốc gia). Trong Dự thảo này, các vấn đề cơ bản như phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và các hình thức của cơ chế mua bán điện trực tiếp đã được xác định rõ ràng, đi cùng với đó là các quy định về hợp đồng, giá, cơ chế thanh toán giữa các bên và đặc biệt là trách nhiệm của các bên tham gia mua bán điện theo cơ chế DPPA.

Chuẩn bị đấu thầu vàng miếng trở lại, NHNN đề nghị 3 bộ phối hợp nhập khẩu và tổ chức đấu thầu vàng miếng.

Ngày 15/4, Ngân hàng Nhà nước gửi công văn đến các bộ: Tài chính, Công an, Công Thương đề nghị hỗ trợ thông quan nhập khẩu vàng nguyên liệu, tổ chức đấu thầu vàng miếng SJC nhằm giảm chênh lệch giá trong nước và thế giới. Phiên đấu thầu vàng miếng đầu tiên được tổ chức vào ngày 28/3/2013. Trong năm 2013, Ngân hàng Nhà nước đã tổ chức 76 phiên đấu thầu bán vàng miếng với tổng khối lượng trúng thầu là 1.819.900 lượng trên tổng số 1.932.000 lượng chào thầu. Khi đó, giá vàng SJC vẫn đắt hơn vàng thế giới khoảng 4,2 triệu đồng/lượng.



TIN DOANH NGHIỆP

Novaland (NVL): Cổ đông lớn Novagroup tiếp tục đăng ký bán hơn 4,4 triệu cổ phiếu.

Novagroup, một tổ chức có liên quan đến Chủ tịch HĐQT của Novaland, đã đăng ký bán lượng lớn cổ phiếu NVL để cân đối danh mục đầu tư và hỗ trợ cơ cấu nợ. Họ đã đăng ký bán 4,413 triệu cổ phiếu NVL dự kiến từ ngày 19/4 đến ngày 26/4, theo phương thức khớp lệnh và/hoặc thỏa thuận. Nếu giao dịch thành công, Novagroup sẽ giảm sở hữu tại NVL xuống còn hơn 353,76 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 18,141%.

Vingroup góp 1.600 tỷ đồng thành lập công ty bất động sản.

Mới đây, Tập đoàn Vingroup công bố thông tin về việc HĐQT thông qua nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐQT-VINGROUP việc tham gia góp vốn thành lập công ty con. Cụ thể, công ty con này dự kiến có tên là CTCP Phát triển NVY Việt Nam (trụ sở chính tại số 1 đường Hà Nội, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, TP.Hải Phòng), hoạt động chính trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản. NVY Việt Nam dự kiến có vốn điều lệ 11.684 tỷ đồng; trong đó tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn Vingroup là 99,914% vốn điều lệ. Vingroup sẽ góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất.

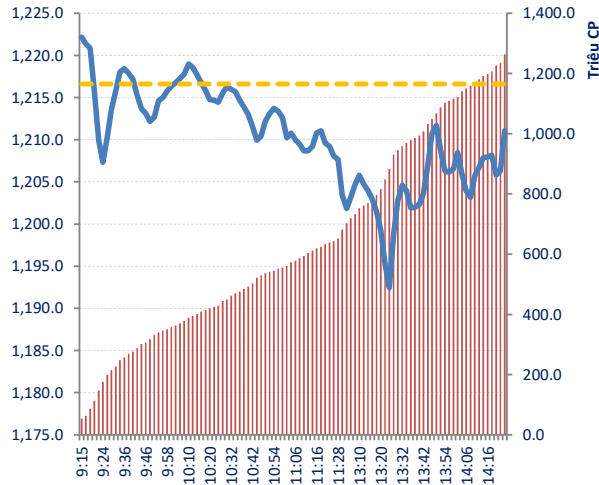
Vietinbank: 'Ông lớn' Big4 đầu tiên tăng lãi suất tiết kiệm loạt kỳ hạn từ 1-11 tháng.

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank) vừa bắt đầu tăng lãi suất huy động các kỳ hạn từ 1-11 tháng và từ 24 tháng trở lên cho khách hàng có khoản tiền gửi từ 300 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng kể từ hôm nay (16/4). Theo đó, Vietinbank điều chỉnh tăng thêm 0,2% các kỳ hạn này. Kỳ hạn 1-2 tháng tăng lên 1,9%/năm, 3-5 tháng 2,2%/năm, 6-11 tháng lên 3,2%/năm. Lãi suất các kỳ hạn 24-36 tháng quay trở lại mốc 5%/năm. Với việc điều chỉnh này, lãi suất tiết kiệm các kỳ hạn từ 1-11 tháng và 24-36 tháng tại Vietinbank đang nhỉnh hơn so với 3 ngân hàng còn lại trong nhóm Big4 (Agribank, Vietcombank và BIDV).

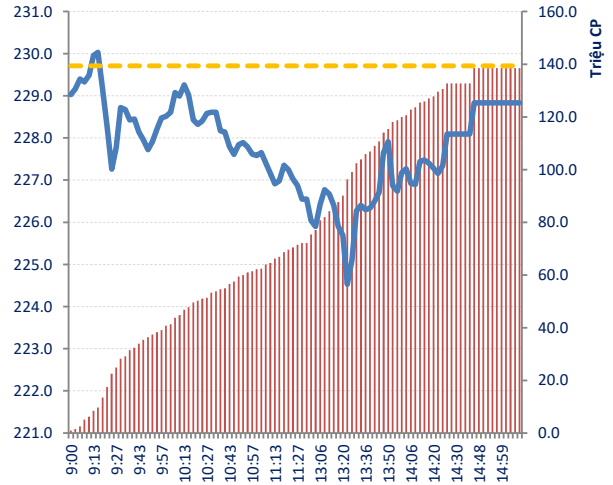


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

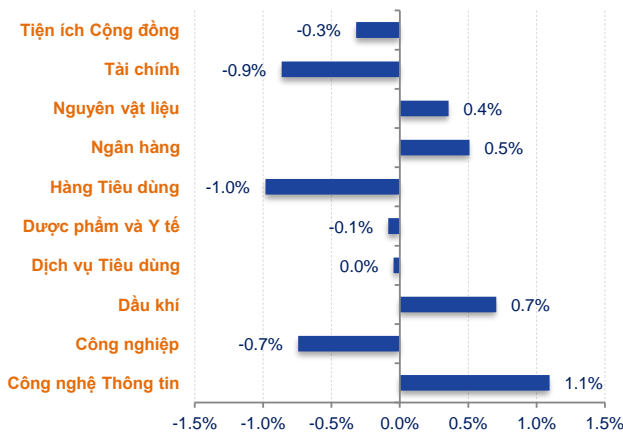
KLGD và VN-Index trong phiên



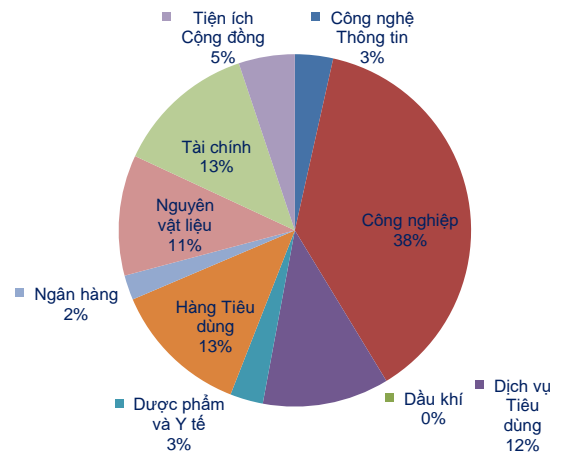
KLGD và HNX-Index trong phiên



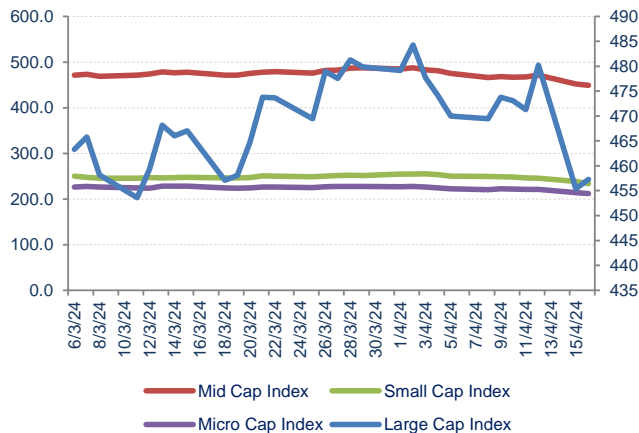
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



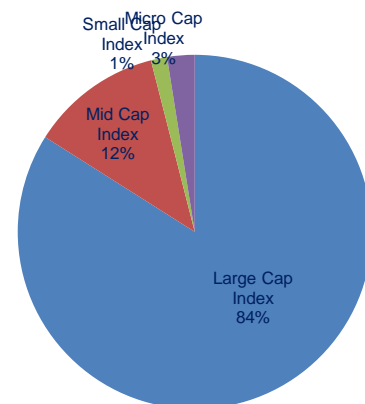
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	EVF	3,383,855	VHM	4,991,322
2	VIX	3,233,677	VRE	2,886,773
3	SSI	2,605,559	MSB	2,644,300
4	GEX	2,090,835	TCH	2,022,121
5	VPB	1,602,282	SHB	1,723,836

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CEO	573,400	PVS	461,000
2	SHS	427,000	TIG	105,400
3	MST	388,300	NBC	92,200
4	LAS	287,100	C69	47,900
5	IDC	231,206	MBS	37,900

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
EIB	17.00	16.95	↓ -0.29%	64,137,356
VIX	18.15	17.85	↓ -1.65%	62,504,400
VPB	18.60	18.75	↑ 0.81%	50,301,755
MBB	23.40	23.90	↑ 2.14%	49,372,771
NVL	16.50	15.75	↓ -4.55%	48,735,500

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	19.00	19.30	↑ 1.58%	38,201,121
CEO	20.30	19.80	↓ -2.46%	19,075,261
PVS	38.90	39.90	↑ 2.57%	10,940,434
HUT	17.10	17.20	↑ 0.58%	5,865,762
MBS	27.90	28.50	↑ 2.15%	5,245,141

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SMC	10.00	10.70	0.70	↑ 7.00%
BCE	5.58	5.96	0.38	↑ 6.81%
QBS	1.23	1.31	0.08	↑ 6.50%
CVT	29.85	31.75	1.90	↑ 6.37%
FUEIP100	7.36	7.82	0.46	↑ 6.25%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ALT	16.00	17.60	1.60	↑ 10.00%
TKU	14.30	15.70	1.40	↑ 9.79%
VMS	26.60	29.20	2.60	↑ 9.77%
SDU	17.20	18.80	1.60	↑ 9.30%
VCM	12.30	13.40	1.10	↑ 8.94%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PSH	4.72	4.39	-0.33	↓ -6.99%
ST8	8.86	8.24	-0.62	↓ -7.00%
SFC	22.90	21.30	-1.60	↓ -6.99%
DXV	6.48	6.03	-0.45	↓ -6.94%
FIR	7.98	7.43	-0.55	↓ -6.89%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HMR	22.70	20.50	-2.20	↓ -9.69%
TKG	6.20	5.60	-0.60	↓ -9.68%
MCO	21.00	19.00	-2.00	↓ -9.52%
SPC	11.60	10.50	-1.10	↓ -9.48%
TPP	10.60	9.60	-1.00	↓ -9.43%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	64,137,356	10.1%	1,244	13.7	1.3
VIX	62,504,400	11.6%	1,444	12.6	1.4
VPB	50,301,755	8.2%	1,433	13.0	1.1
MBB	49,372,771	23.5%	3,961	5.9	1.3
NVL	48,735,500	1.3%	311	53.1	0.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	38,201,121	5.7%	688	27.6	1.5
CEO	19,075,261	3.0%	402	50.5	1.7
PVS	10,940,434	7.7%	2,148	18.1	1.4
HUT	5,865,762	0.6%	89	193.1	1.3
MBS	5,245,141	13.0%	1,475	18.9	2.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SMC	↑ 7.0%	-70.2%	(12,027)	-	0.9
BCE	↑ 6.8%	0.2%	22	250.7	0.6
QBS	↑ 6.5%	-8.8%	(592)	-	0.2
CVT	↑ 6.4%	4.6%	1,107	27.0	1.2
FUEIP100	↑ 6.3%	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ALT	↑ 10.0%	3.2%	1,223	13.1	0.4
TKU	↑ 9.8%	-6.9%	(780)	-	1.4
VMS	↑ 9.8%	9.7%	1,612	16.5	1.6
SDU	↑ 9.3%	0.3%	52	333.3	1.0
VCM	↑ 8.9%	1.3%	286	42.9	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
EVF	3,383,855	5.1%	748	18.8	1.2
VIX	3,233,677	11.6%	1,444	12.6	1.4
SSI	2,605,559	10.1%	1,531	22.8	2.3
GEX	2,090,835	1.6%	388	55.8	0.9
VPB	1,602,282	8.2%	1,433	13.0	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	573,400	3.0%	402	50.5	1.7
SHS	427,000	5.7%	688	27.6	1.5
MST	388,300	8.2%	906	6.0	0.5
LAS	287,100	10.7%	1,316	16.5	1.7
IDC	231,206	22.6%	4,223	13.1	2.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	514,196	22.0%	5,910	15.6	3.1
BID	283,312	18.9%	3,773	13.2	2.3
VHM	184,625	20.2%	7,664	5.5	1.0
VIC	179,712	1.5%	557	84.3	1.2
CTG	179,626	17.0%	3,706	9.0	1.4

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	18,593	7.7%	2,148	18.1	1.4
IDC	18,216	22.6%	4,223	13.1	2.9
SHS	15,450	5.7%	688	27.6	1.5
HUT	15,262	0.6%	89	193.1	1.3
THD	13,436	2.9%	458	76.1	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
POM	3.25	-45.6%	(3,445)	-	0.6
QBS	3.00	-8.8%	(592)	-	0.2
TVB	2.43	5.8%	564	13.1	0.8
PSH	2.34	3.2%	403	11.7	0.4
GEX	2.13	1.6%	388	55.8	0.9

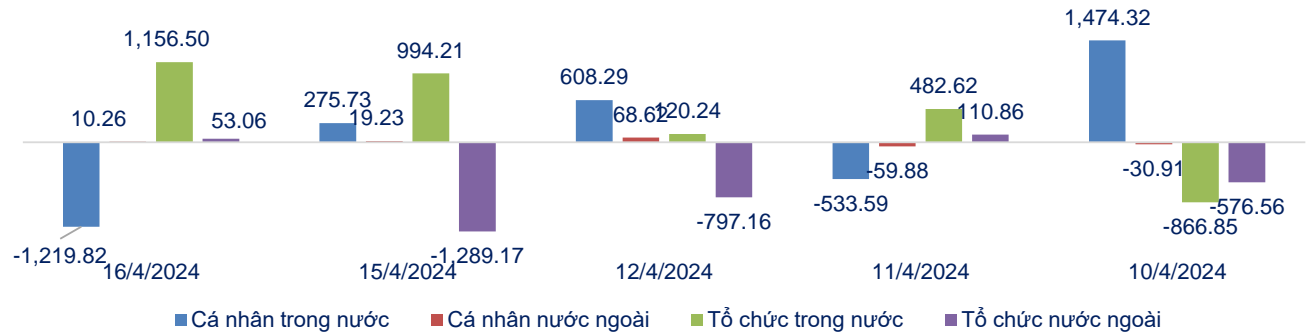
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	4.19	5.2%	733	17.2	1.2
PRC	3.18	0.2%	94	234.3	0.8
KKC	2.91	0.8%	64	86.6	0.7
DTD	2.70	19.9%	4,407	5.8	1.0
HCT	2.68	-4.4%	(869)	-	0.5



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	179.95	20.2%	7,664	5.5	1.0
STB	88.39	18.3%	4,094	6.7	1.1
VRE	62.23	12.4%	1,940	11.6	1.4
TCH	47.47	5.1%	890	17.9	0.9
MSN	46.48	1.1%	293	228.0	2.5

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-542.21	8.2%	1,433	13.0	1.1
HPG	-153.52	6.9%	1,175	24.2	1.6
SSI	-113.73	10.1%	1,531	22.8	2.3
EVF	-71.55	5.1%	748	18.8	1.2
FPT	-69.78	23.4%	5,101	21.9	4.7

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	18.43	6.9%	1,175	24.2	1.6
SSI	9.87	10.1%	1,531	22.8	2.3
DXG	5.22	1.2%	271	68.1	0.8
DGC	2.97	27.1%	8,163	13.6	3.5
HDB	2.81	23.6%	3,480	6.8	1.5

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	-57.05	23.5%	3,961	5.9	1.3
MSB	-3.37	16.0%	2,322	5.9	0.9
MSN	-2.22	1.1%	293	228.0	2.5
BID	-1.15	18.9%	3,773	13.2	2.3
DGW	-1.14	14.0%	2,160	27.4	3.8

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	512.00	8.2%	1,433	13.0	1.1
HPG	163.19	6.9%	1,175	24.2	1.6
FPT	70.64	23.4%	5,101	21.9	4.7
VCB	65.45	22.0%	5,910	15.6	3.1
TCB	57.11	14.7%	5,118	8.7	1.2

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	-58.99	11.6%	1,444	12.6	1.4
STB	-57.79	18.3%	4,094	6.7	1.1
DIG	-42.50	1.5%	195	160.5	2.4
MWG	-36.21	0.7%	115	435.4	3.1
VCG	-29.64	4.0%	755	30.3	1.2

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

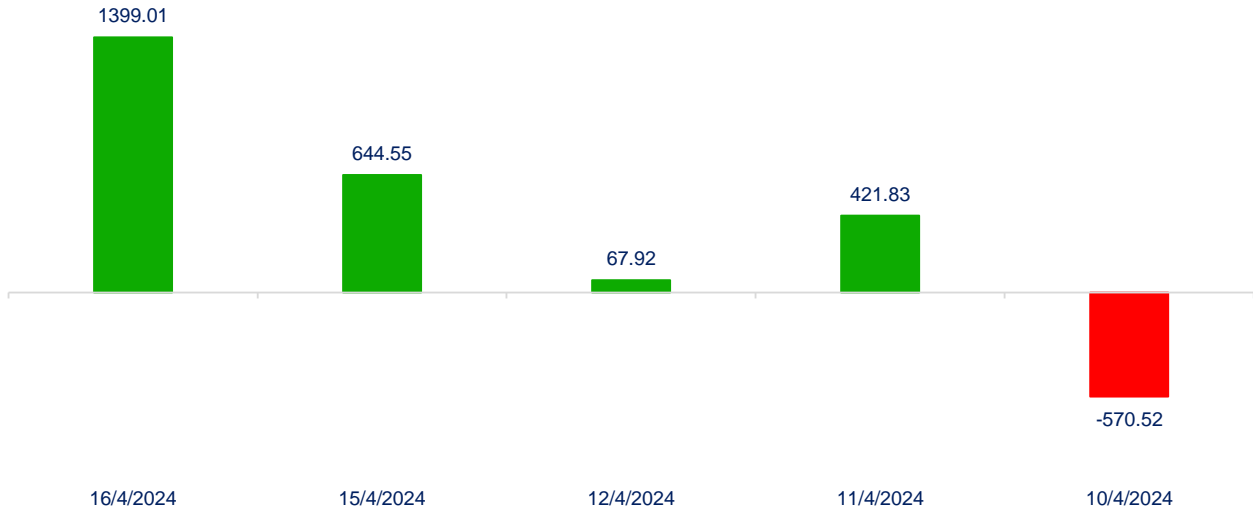
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	80.67	10.1%	1,531	22.8	2.3
MWG	57.90	0.7%	115	435.4	3.1
MBB	57.00	23.5%	3,961	5.9	1.3
VIX	54.35	11.6%	1,444	12.6	1.4
DPG	50.01	8.9%	3,223	15.3	1.3

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

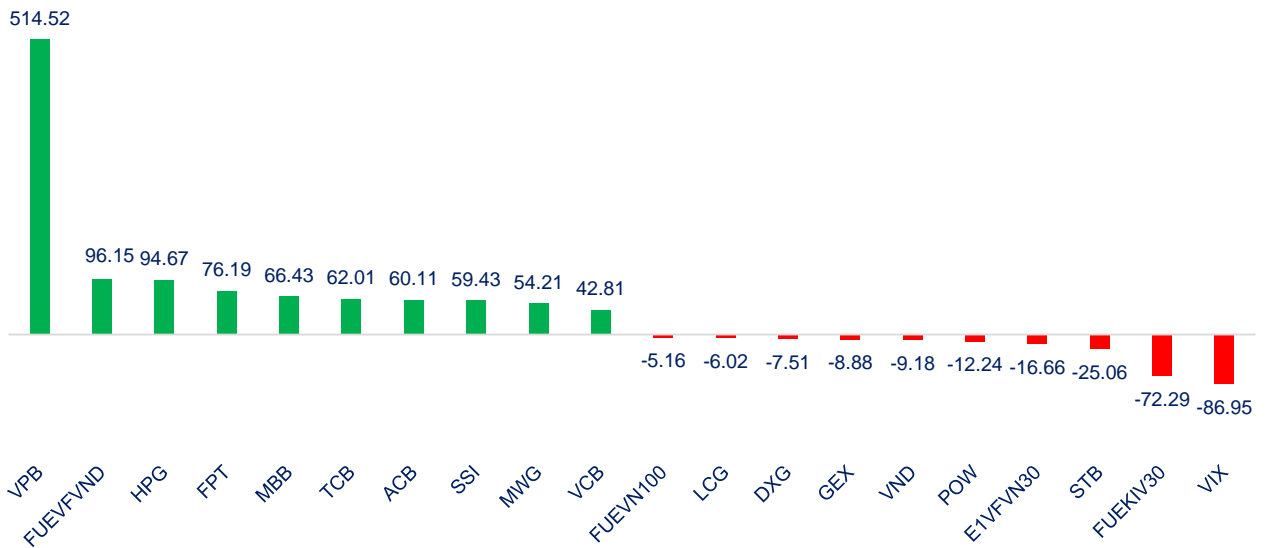
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-209.00	20.2%	7,664	5.5	1.0
VNM	-84.21	26.2%	4,248	15.3	3.9
VRE	-64.11	12.4%	1,940	11.6	1.4
VCB	-60.07	22.0%	5,910	15.6	3.1
VIC	-47.76	1.5%	557	84.3	1.2



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn